

**TỜ TRÌNH**

**Đề nghị bổ sung Nghị quyết của Quốc hội  
về tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố Hải Phòng  
vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024**

Kính gửi: Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Ngày 05/3/2024, Chính phủ đã trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Đề nghị Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024 (Tờ trình số 82/TTr-CP). Chính phủ tiếp tục đề nghị bổ sung Nghị quyết của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố Hải Phòng, với nội dung cụ thể như sau:

**1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết**

a) Ngày 24/01/2019, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 45-NQ/TW về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã xác định mục tiêu cụ thể đến năm 2025: “*Xây dựng chính quyền đô thị với bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*”; đến năm 2030: “*Cơ bản đạt các tiêu chí của đô thị loại đặc biệt. Hoàn thành việc chuyển đổi 50% số huyện thành đơn vị hành chính quận. Chính quyền đô thị được xây dựng và hoàn thiện phù hợp với yêu cầu của thành phố thông minh*”. Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 26/11/2019 về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW của Bộ Chính trị, trong đó xác định mục tiêu: “*Đến năm 2025, thành phố Hải Phòng cơ bản hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng chính quyền đô thị với bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*”. Ngày 02/8/2024, Ban Kinh tế Trung ương đã phối hợp với Thành ủy Hải Phòng tổ chức sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW của Bộ Chính trị. Trên cơ sở đó, Bộ Chính trị đã họp ngày 13/9/2024 cho ý kiến về việc sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW và đồng ý triển khai chính thức mô hình tổ chức chính quyền đô thị thành phố Hải Phòng.

b) Sau 5 năm xây dựng và phát triển kể từ thời điểm Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 45-NQ/TW, thành phố đã đạt được những thành tựu và kết quả quan trọng về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh, cụ thể là: Giai đoạn 2019-2023, quy mô kinh tế thành phố Hải Phòng tăng nhanh, luôn duy trì vị



trí thứ hai tại vùng đồng bằng sông Hồng, sau Thủ đô Hà Nội; đến năm 2023, GRDP của Thành phố theo giá hiện hành đạt 402.504,70 tỷ đồng, gấp gần 2 lần so với năm 2018, chiếm khoảng 12,8% GRDP vùng đồng bằng sông Hồng; tỷ trọng GRDP Thành phố (theo giá hiện hành) trong GDP cả nước tăng từ 3,0% năm 2018 lên 3,86% năm 2023; tăng trưởng GRDP bình quân đầu người của Thành phố đạt 11,67%/năm, gấp 2,38 lần tăng trưởng GDP bình quân đầu người của cả nước (4,17%) và gấp 1,97 lần so với vùng ĐBSH (5,92%/năm) trong giai đoạn 2019-2023; GRDP bình quân đầu người của Thành phố năm 2023 (theo giá hiện hành) đạt 191,21 triệu đồng/người, tương đương 7.826,12 USD/người, gấp 1,83 lần năm 2018 và bằng 1,87 lần so với cả nước<sup>1</sup>. Cơ cấu kinh tế thành phố tiếp tục chuyển dịch tích cực, theo hướng công nghiệp, hiện đại với điểm sáng là khu vực công nghiệp - xây dựng. Tỷ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng trong GRDP tăng từ 47,17% năm 2019 lên 53,34% năm 2023, là trụ cột tăng trưởng của Thành phố. Tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản trong GRDP giảm từ 4,73% năm 2019 còn 3,4% năm 2023. Tỷ trọng khu vực dịch vụ giảm từ 42,05% năm 2019 còn 37,76% năm 2023. Bên cạnh đó, cơ cấu kinh tế theo thành phần cũng chuyển dịch tích cực với việc giảm tỷ trọng khu vực kinh tế Nhà nước từ 23,25% năm 2018 xuống còn 13,86% năm 2023; tăng tỷ trọng khu vực kinh tế ngoài nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài và bảo đảm quốc phòng, an ninh được giữ vững, đời sống Nhân dân ngày càng được nâng cao.

c) Bên cạnh những kết quả đạt được, thành phố Hải Phòng còn gặp khó khăn, vướng mắc trong mô hình quản lý hiện nay, ảnh hưởng đến hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước tại địa bàn đang phát triển năng động. Cơ chế, chính sách phân cấp giữa Trung ương và thành phố Hải Phòng; giữa các cấp chính quyền của thành phố còn nhiều bất cập, đặc biệt là các cơ chế, chính sách về tài chính, ngân sách; quy hoạch; kế hoạch đầu tư; tổ chức bộ máy; xây dựng và quản lý đô thị,... Mô hình tổ chức chính quyền của thành phố chưa phù hợp với đặc điểm, tính chất của việc quản lý một đô thị lớn; tính tự chủ, linh hoạt, tự chịu trách nhiệm để giải quyết kịp thời những vấn đề đặt ra đối với chính quyền các cấp còn hạn chế; chưa tạo được sự chủ động cho thành phố trong thực hiện nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu phát triển, phục vụ Nhân dân và yêu cầu phát triển đô thị hiện đại, văn minh,... Thực tiễn đó đã đặt ra yêu cầu cần tổ chức bộ máy chính quyền đô thị tinh gọn, hợp lý, hiệu lực, hiệu quả, phát huy và nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tính công khai, minh bạch trong quản lý của chính quyền các cấp của thành phố. Theo đó, tổ chức chính quyền thành phố cần đảm bảo phù hợp với đặc điểm, tính chất của đô thị lớn, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ quản lý nhà nước ở đô thị, đảm bảo cho các quyết định quản lý hành chính của chính quyền thành phố phải được triển khai đến chính quyền cơ sở, đến người dân, doanh nghiệp được nhanh chóng, kịp thời, đồng bộ và hiệu quả.

<sup>1</sup> Đứng thứ 2 trong 05 thành phố trực thuộc Trung ương.

d) Thực tiễn tổ chức chính quyền đô thị tại các thành phố Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh thời gian qua đã đạt được những kết quả tích cực<sup>2</sup> và Quốc hội đã ban hành các văn bản để tiếp tục thực hiện chính thức (không còn thí điểm) tổ chức chính quyền đô thị tại các thành phố này là cơ sở thực tiễn quan trọng cho việc đề xuất tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố Hải Phòng<sup>3</sup>.

Từ các căn cứ nêu trên, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, năng lực quản trị, điều hành của chính quyền thành phố Hải Phòng phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đô thị lớn trong giai đoạn tới, khắc phục được những khó khăn, vướng mắc của tổ chức chính quyền thành phố hiện nay, tạo điều kiện cho thành phố phát triển nhanh và bền vững thì việc xây dựng trình Chính phủ đề trình Quốc hội ban hành Nghị quyết của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố Hải Phòng là cần thiết.

## 2. Về nội dung đề nghị

Nghị quyết về tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố Hải Phòng đề xuất các chính sách về tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố Hải Phòng theo hướng tinh gọn, bảo đảm quản lý thống nhất, thông suốt, phù hợp với đặc điểm, tính chất của thành phố Hải Phòng là đô thị lớn của cả nước, đáp ứng yêu cầu phát triển thành phố theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm, năng động, sáng tạo, đáp ứng được yêu cầu nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền các cấp, theo 2 hướng chính: (1) Quy định rõ mô hình tổ chức chính quyền đô thị; nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương ở thành phố Hải Phòng, quận, thành phố thuộc thành phố và phường khi tổ chức chính quyền đô thị (không tổ chức Hội đồng nhân dân quận và Hội đồng nhân dân phường); (2) Đề xuất các quy định nhằm bảo đảm hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền đô thị tại thành phố Hải Phòng, tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước trong mô hình chính quyền đô thị.

## 3. Dự kiến thời điểm trình

Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề báo cáo Quốc hội xem xét bổ sung Nghị quyết của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố Hải Phòng vào Chương trình xây dựng luật, pháp luật năm 2024; quyết định việc xây dựng, ban hành Nghị quyết theo trình tự, thủ tục rút gọn và xem xét, thông qua trong một kỳ họp (kỳ họp thứ 8 Quốc hội khoá XV, tháng 10/2024).

<sup>2</sup> Các Báo cáo của Chính phủ sơ kết thực hiện tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội, thành phố Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh (Báo cáo số 591/BC-CP, Báo cáo số 592/BC-CP và Báo cáo số 593/BC-CP ngày 22/10/2023).

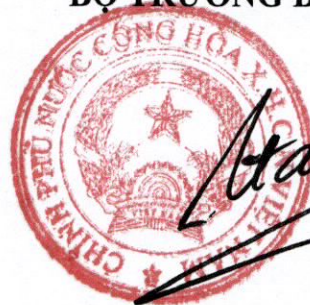
<sup>3</sup> Luật Thủ đô năm 2024 và các Nghị quyết của Quốc hội: Số 97/2019/QH14 ngày 27/11/2019 về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội; số 131/2020/QH14 ngày 16/11/2020 về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh; số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hồ Chí Minh; số 119/2020/QH15 ngày 19/6/2020 về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng và số 136/2024/QH15 ngày 26/6/2024 về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng.

Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các PTTgCP (để b/c);
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, Nội vụ;
- UBND thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT, TCCV (3). **g0**

**TM. CHÍNH PHỦ  
TU. THỦ TƯỚNG  
BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ**



**Phạm Thị Thanh Trà**

Nghị quyết số: .../... /QH15

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố Hải Phòng**

**QUỐC HỘI**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội số 65/2020/QH14;*

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố Hải Phòng**

1. Chính quyền địa phương ở thành phố Hải Phòng là cấp chính quyền địa phương gồm có Hội đồng nhân dân thành phố và Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Chính quyền địa phương ở các quận tại thành phố Hải Phòng là Ủy ban nhân dân quận.

Ủy ban nhân dân quận là cơ quan hành chính nhà nước ở quận, thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Nghị quyết này và theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Chính quyền địa phương ở các phường tại thành phố Hải Phòng là Ủy ban nhân dân phường.

Ủy ban nhân dân phường là cơ quan hành chính nhà nước ở phường, thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Nghị quyết này và theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hải Phòng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hải Phòng.

4. Việc tổ chức chính quyền địa phương ở các đơn vị hành chính khác của thành phố Hải Phòng được thực hiện theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

## **Điều 2. Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng**

1. Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, quy định khác của pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách cấp mình, trong đó bao gồm dự toán ngân sách của chính quyền địa phương cấp dưới; điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương trong trường hợp cần thiết theo thẩm quyền; phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương.

b) Quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội dài hạn, trung hạn và hằng năm của thành phố, trong đó bao gồm kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trung hạn và hằng năm của quận.

c) Giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố trên địa bàn quận, phường thuộc quận; giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân phường thuộc quận, Tòa án nhân dân quận, Viện kiểm sát nhân dân quận.

d) Quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của địa phương, bao gồm: tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn, mức vốn bố trí cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án đầu tư công sử dụng vốn ngân sách thành phố; tổng mức vốn bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện và thành phố thuộc thành phố Hải Phòng; tổng mức vốn đầu tư công thành phố phân bổ cho quận.

đ) Thông qua chủ trương thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính quận, phường.

e) Bầu Hội thẩm Tòa án nhân dân quận theo giới thiệu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thành phố; miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm Tòa án nhân dân quận theo đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân thành phố sau khi thống nhất với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp.

g) Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố có quyền chất vấn Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, Chánh án Tòa án nhân dân quận, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận. Hội đồng nhân dân thành phố xem xét việc trả lời chất vấn của người bị chất vấn.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng gồm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, 02 Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và các Ủy viên là Trưởng ban của Hội đồng nhân dân thành phố. Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố có thể là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách.

Ban của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng gồm Trưởng ban, 02 Phó Trưởng ban và các Ủy viên. Trưởng ban của Hội đồng nhân dân thành phố có thể là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách, Phó Trưởng ban của Hội đồng nhân dân thành phố là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách. Ban của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng có 01 Ủy viên hoạt động chuyên trách. Ủy viên hoạt động chuyên trách được hưởng lương theo quy định hiện hành đối với cán bộ, công chức; được hưởng phụ cấp chức vụ bằng chức danh trưởng phòng cấp sở và các chế độ, chính sách khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 3. Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng**

1. Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, quy định khác của pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định các nội dung quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết này và tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố. Căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố, quyết định giao và điều chỉnh nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho các quận, phường trực thuộc, quyết định chủ trương, biện pháp triển khai thực hiện ngân sách địa phương, bao gồm ngân sách quận, phường.

b) Căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội dài hạn, trung hạn và hằng năm của thành phố, quyết định giao nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội cho Ủy ban nhân dân quận.

c) Quyết định giao tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của quận.

d) Quyết định và tổ chức thực hiện nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác trên địa bàn các quận trực thuộc.

đ) Quyết định chuyển một số chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố cho các cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện và thành phố thuộc thành phố.

e) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân thành phố bảo đảm các nguyên tắc, tiêu chí, điều kiện theo quy định của pháp luật.

g) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể, đổi tên, quy định chức năng, nhiệm vụ các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, bảo đảm không vượt quá số lượng tối đa cơ quan chuyên môn theo quy định của Chính phủ; tổ

chức quản lý đa ngành, đa lĩnh vực, bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân quận.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, quy định khác của pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, tạm đình chỉ công tác Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

b) Đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Ủy ban nhân dân quận.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố được ủy quyền cho người đứng đầu cơ quan hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong khoảng thời gian xác định kèm theo các điều kiện cụ thể. Việc ủy quyền phải bằng văn bản và quy định rõ trách nhiệm của người ủy quyền và người được ủy quyền, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả.

#### **Điều 4. Cơ cấu tổ chức, chế độ làm việc, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân quận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận**

1. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân quận gồm có Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận; Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận; Trưởng Công an quận; Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự quận; các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận; các cơ quan hành chính khác và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân quận. Ủy ban nhân dân quận có không quá 03 Phó Chủ tịch.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận là công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý của Ủy ban nhân dân quận.

2. Chế độ làm việc của Ủy ban nhân dân quận được quy định như sau:

a) Ủy ban nhân dân quận làm việc theo chế độ thủ trưởng; bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận là người đứng đầu Ủy ban nhân dân quận, chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân quận;

c) Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận thực hiện các công việc theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận về nhiệm vụ được phân công. Khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận vắng mặt, một Phó Chủ tịch được Chủ tịch ủy nhiệm thay mặt Chủ tịch điều hành và giải quyết công việc của Ủy ban nhân dân quận;



3. Ủy ban nhân dân quận thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, quy định khác của pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; phân bổ dự toán ngân sách, điều chỉnh dự toán ngân sách, quyết toán ngân sách của phường, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận và các đơn vị trực thuộc quận;

b) Quyết định giao kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của quận, phường, bao gồm: danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án.

c) Quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của phường.

d) Quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công nhóm B, nhóm C, chương trình đầu tư công do quận, phường quản lý; tham gia ý kiến về chủ trương đầu tư dự án thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền mà pháp luật đầu tư công quy định phải có sự tham gia ý kiến của Hội đồng nhân dân cấp huyện; tổ chức thực hiện chương trình, dự án đầu tư công theo phân cấp quản lý.

đ) Chịu trách nhiệm về hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống hành chính nhà nước từ quận đến cơ sở, bảo đảm tính thống nhất, thông suốt của nền hành chính; thực hiện công tác cải cách hành chính và cải cách công vụ, công chức ở địa phương.

e) Đề xuất, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác trên địa bàn theo phân cấp quản lý.

g) Thực hiện nhiệm vụ về tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp, pháp luật, xây dựng chính quyền và địa giới hành chính, giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao, y tế, lao động, chính sách xã hội, chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo, hành chính tư pháp, hỗ trợ tư pháp, các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, quản lý dân cư và các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật trên địa bàn.

h) Phân cấp, ủy quyền cho Ủy ban nhân dân phường; ủy quyền cho cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân quận thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân quận theo quy định của pháp luật.

i) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để quy định những vấn đề được luật, nghị quyết của Quốc hội giao và thực hiện phân cấp theo quy định tại điểm h khoản này. Đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái

pháp luật của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận và văn bản trái pháp luật của Ủy ban nhân dân phường.

k) Quyết định đối với nhiệm vụ mà theo quy định của pháp luật phải trình Hội đồng nhân dân quận thông qua trước khi quyết định; trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đối với nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân quận quyết định theo quy định của pháp luật.

l) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật mà không trái với quy định của Nghị quyết này.

m) Tổ chức việc thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật, tiếp công dân theo quy định của pháp luật.

n) Quản lý và tổ chức sử dụng công sở, tài sản, phương tiện làm việc và ngân sách nhà nước được giao theo quy định của pháp luật.

o) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do cơ quan nhà nước cấp trên phân cấp, ủy quyền.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, quy định khác của pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Quyết định đầu tư chương trình đầu tư công do quận, phường trực thuộc quản lý đã được Ủy ban nhân dân quận quyết định chủ trương đầu tư.

b) Quyết định đầu tư dự án đầu tư công nhóm B, nhóm C do phường trực thuộc quản lý.

c) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, tạm đình chỉ công tác đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường trực thuộc và người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận.

d) Tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật; ký văn bản của Ủy ban nhân dân quận.

## **Điều 5. Hội đồng nhân dân thành phố thuộc thành phố Hải Phòng**

1. Hội đồng nhân dân thành phố thuộc thành phố Hải Phòng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, quy định khác của pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách cấp mình, trong đó bao gồm dự toán ngân sách của phường trực thuộc; điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương trong trường hợp cần thiết theo thẩm quyền; phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương.

b) Quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của địa phương, bao gồm: tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn, mức vốn bố trí cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án đầu tư công sử dụng vốn ngân sách thành phố thuộc thành phố Hải Phòng; tổng mức vốn bổ sung có mục tiêu cho ngân sách xã; tổng mức vốn đầu tư công thành phố phân bổ cho phường trực thuộc.

c) Giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố thuộc thành phố Hải Phòng trên địa bàn phường trực thuộc; giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường trực thuộc.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố thuộc thành phố Hải Phòng gồm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, không quá 02 Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và các Ủy viên là Trưởng ban của Hội đồng nhân dân thành phố thuộc thành phố Hải Phòng. Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố thuộc thành phố Hải Phòng có thể là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố thuộc thành phố Hải Phòng là đại biểu hoạt động chuyên trách.

Các Ban Hội đồng nhân dân thành phố thuộc thành phố Hải Phòng gồm: Ban Pháp chế, Ban Kinh tế - xã hội, Ban Đô thị. Trưởng ban các Ban Hội đồng nhân dân thành phố thuộc thành phố Hải Phòng có thể là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách, Phó Trưởng ban các Ban Hội đồng nhân dân thành phố thuộc thành phố Hải Phòng là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách.

#### **Điều 6. Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hải Phòng**

1. Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hải Phòng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, quy định khác của pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định các nội dung theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 5 của Nghị quyết này và tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

b) Căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trung hạn và hằng năm, quyết định giao nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội cho Ủy ban nhân dân phường trực thuộc.

c) Quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công nhóm B, nhóm C, chương trình đầu tư công do phường trực thuộc quản lý; tổ chức thực hiện chương trình, dự án đầu tư công theo phân cấp quản lý.

d) Quyết định giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm của phường trực thuộc, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án.

đ) Quyết định và tổ chức thực hiện nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác trên địa bàn các phường trực thuộc.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hải Phòng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, quy định khác của pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, tạm đình chỉ công tác Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường trực thuộc.

b) Tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường trực thuộc theo quy định của pháp luật.

c) Đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Ủy ban nhân dân phường trực thuộc.

d) Quyết định đầu tư dự án nhóm B, nhóm C do phường trực thuộc quản lý, chương trình đầu tư công do phường trực thuộc quản lý đã được Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hải Phòng quyết định chủ trương đầu tư.

3. Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hải Phòng có không quá 04 Phó Chủ tịch.

**Điều 7. Cơ cấu tổ chức, chế độ làm việc, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân phường và Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường; quản lý cán bộ, công chức phường, xã, thị trấn**

1. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân phường gồm có Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường; Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường; Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự phường; Trưởng Công an phường; công chức khác làm việc tại Ủy ban nhân dân phường. Ủy ban nhân dân phường có không quá 02 Phó Chủ tịch.

Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường là công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý của Ủy ban nhân dân phường.

2. Chế độ làm việc của Ủy ban nhân dân phường được quy định như sau:

a) Ủy ban nhân dân phường làm việc theo chế độ thủ trưởng, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường là người đứng đầu Ủy ban nhân dân phường, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hải Phòng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân phường; trực tiếp quản lý, sử dụng công chức theo quy định của Chính phủ và phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân

dân quận, Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hải Phòng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hải Phòng; ký các văn bản của Ủy ban nhân dân phường.

c) Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường thực hiện các công việc theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường về nhiệm vụ được phân công. Khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường vắng mặt, 01 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường được Chủ tịch ủy nhiệm thay mặt Chủ tịch điều hành và giải quyết công việc của Ủy ban nhân dân phường.

3. Ủy ban nhân dân phường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, quy định khác của pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Ủy ban nhân dân phường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc Ủy ban nhân dân quận hoặc Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hải Phòng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

b) Đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công do phường quản lý với Ủy ban nhân dân quận hoặc Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hải Phòng để trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư; tham gia ý kiến về chủ trương đầu tư dự án thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền mà pháp luật về đầu tư công quy định phải có sự tham gia ý kiến của Hội đồng nhân dân cấp xã; tổ chức thực hiện chương trình, dự án đầu tư công theo phân cấp quản lý.

c) Đề xuất, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác trên địa bàn theo phân cấp quản lý.

d) Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp thành lập Tổ bầu cử đại biểu Quốc hội, Tổ bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

đ) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do cơ quan nhà nước cấp trên phân cấp, ủy quyền.

e) Thực hiện nhiệm vụ về tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp, pháp luật, các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên tại địa bàn phường.

g) Ủy ban nhân dân phường không có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

h) Quyết định theo thẩm quyền đối với nhiệm vụ mà theo quy định của pháp luật phải trình Hội đồng nhân dân phường thông qua trước khi quyết định; trình Ủy ban nhân dân quận hoặc Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hải Phòng quyết định đối với nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân phường quyết định theo quy định của pháp luật.

i) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật mà không trái với quy định của Nghị quyết này.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, quy định khác của pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Lãnh đạo, quản lý, điều hành Ủy ban nhân dân phường làm việc theo quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân phường, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ và tuân thủ các quy định của pháp luật.

b) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện quy hoạch phát triển hạ tầng đô thị, xây dựng, giao thông, phòng, chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường, không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị trên địa bàn phường.

5. Cán bộ, công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn thuộc biên chế cán bộ, công chức cấp huyện. Việc bầu cử, tuyển dụng, quản lý, sử dụng cán bộ, công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thực hiện theo quy định của pháp luật về bầu cử, tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức và thuộc biên chế cán bộ, công chức cấp huyện trở lên và theo thẩm quyền, phân cấp quản lý.

### **Điều 8. Tổ chức thực hiện**

1. Chính phủ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện tổ chức chính quyền đô thị thành phố Hải Phòng theo quy định tại Nghị quyết này.

b) Quy định cụ thể về tổ chức, hoạt động của Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân phường, chế độ trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường; trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, đình chỉ công tác Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận; bầu cử, tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân quận và cán bộ, công chức làm việc tại xã, phường, thị trấn; lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách quận, phường.

c) Quy định cụ thể việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác tại các đơn vị hành chính thực hiện Nghị quyết này.

2. Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:

a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

b) Ban hành các quy định cần thiết để triển khai thực hiện tổ chức chính quyền đô thị theo quy định của Nghị quyết này và hướng dẫn của Chính phủ; thực hiện phân cấp, ủy quyền cụ thể cho chính quyền địa phương ở quận, thành phố thuộc thành phố Hải Phòng và phường phù hợp với tổ chức quản lý đô thị và khả năng thực tiễn của từng địa phương.

c) Chỉ đạo rà soát, sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức làm việc ở quận, phường theo quy định của Luật cán bộ, công chức và Nghị quyết này; giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức dôi dư khi thực hiện Nghị quyết này và quy định, hướng dẫn của Chính phủ.

d) Nghiên cứu, đề xuất và kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền các chính sách bổ sung khi thực hiện Nghị quyết này.

3. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hải Phòng và các đại biểu Quốc hội, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

### **Điều 9. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày      tháng      năm 20....

2. Việc tổ chức chính quyền đô thị thành phố Hải Phòng quy định tại Nghị quyết này được thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

3. Trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề giữa Nghị quyết này với luật, nghị quyết khác của Quốc hội được ban hành trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thì áp dụng theo quy định của Nghị quyết này. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành có quy định thuận lợi hơn Nghị quyết này thì việc áp dụng do Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quyết định.

### **Điều 10. Quy định chuyển tiếp**

1. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận, phường nhiệm kỳ 2021 - 2026 kết thúc nhiệm vụ vào ngày 30 tháng 6 năm 2026.

2. Kể từ ngày 01 tháng 7 năm ....., Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân phường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Nghị quyết này. Trường hợp chưa bổ nhiệm được Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, phường thì Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, phường nhiệm kỳ 2021 - 2026 tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Nghị quyết này cho đến khi Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, phường mới được bổ nhiệm.

Văn bản của chính quyền địa phương ở quận, phường được ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2026, nếu chưa được cơ quan có thẩm quyền thay thế hoặc bãi bỏ thì vẫn được áp dụng.

Trường hợp văn bản của Hội đồng nhân dân quận và văn bản của Hội đồng nhân dân phường được ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2026 mà không còn phù hợp thì Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng bãi bỏ văn bản của Hội đồng nhân dân quận và văn bản của Hội đồng nhân dân phường thuộc quận; Hội đồng nhân dân thành phố thuộc thành phố Hải Phòng bãi bỏ văn bản của Hội đồng nhân dân phường trực thuộc.

*Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ ..... thông qua ngày .... tháng .... năm ..../.*

## **CHỦ TỊCH QUỐC HỘI**

**Trần Thanh Mẫn**